

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/09/2025

V/v: Kiện ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2025, tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 05 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị B, sinh năm: 1976 (Vắng mặt có đơn xin vắng).

Nơi thường trú: Thôn Tân S, xã E, huyện K (Nay là Thôn Tân S, xã K1), tỉnh Đắk Lắk.

Nơi tạm trú: Nhà trọ Hồ Văn H, khu phố Phú N, phường H1, thành phố C, tỉnh BD (Nay là khu phố n phường H1, thành phố Hồ Chí M).

- Bị đơn: Ông Hứa Văn D, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Nơi thường trú: Thôn Tân S, xã E, huyện K (Nay là Thôn Tân S, xã K1), tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi Lương Thị B và ông Hứa Văn D đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, chúng tôi tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ek, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số I/02 ngày 16/07/2002. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Do sống chung không hạnh phúc nên chúng tôi đã chính thức sống ly thân từ tháng 8 năm 2019, đến năm 2020 tôi từng làm đơn ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc để xin được giải quyết ly hôn với ông Hứa Văn D nhưng sau đó tôi cũng có cho vợ chồng cơ hội đoàn tụ nên có rút đơn khởi kiện về. Tuy nhiên do tình hình mâu thuẫn vợ chồng không cải thiện nên chúng tôi không về chung sống lại mà tiếp tục sống ly thân. Từ năm 2020 tôi đi làm công nhân ở tỉnh BD cho đến nay, vợ chồng ai biết bổn phận người đó, không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội để quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Hứa Văn D.

- Về con chung: Tôi và ông Hứa Văn D có 02 con chung, cháu Hứa Văn Đ, sinh ngày 04/02/1999 và cháu Hứa Thị Thu F, sinh ngày 23/09/2004. Hiện nay các cháu đều đã đủ 18 tuổi, sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hứa Văn D không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị B được ly hôn với ông Hứa Văn D.

Về con chung: Vợ chồng bà B, ông D có 02 con chung là Hứa Văn Đ, sinh ngày 04/02/1999 và cháu Hứa Thị Thu F, sinh ngày 23/09/2004. Hiện nay, Đ và F đều đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị B không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lương Thị B khởi kiện xin ly hôn đối với ông Hứa Văn D, thường trú tại Thôn Tân S, xã E, huyện K (Nay là Thôn Tân S, xã K1), tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (Nay là TAND khu vực 4 – Đắk Lắk) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn ly hôn đề ngày 09 tháng 05 năm 2025 của bà Lương Thị B, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Lương Thị B, bị đơn ông Hứa Văn D tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lương Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hứa Văn D đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/08/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2025, tuy nhiên ông D vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Lương Thị B, bị đơn ông Hứa Văn D là có căn cứ.

[2]. Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị B:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông D là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 94 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/07/2002. Quá trình thu thập chứng cứ, bà B trình bày: “Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân do tính cách của vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay”. Do ông Hứa Văn D không tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D để xác định tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông Hứa Văn D và bà Lương Thị B.

Để có sở sở pháp lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị B và ông Hứa Văn D. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (Bút lục số 38) cung cấp như sau: “Chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa vợ chồng ông D, bà B. Tuy nhiên thực tế

bà bà Lương Thị B và ông Hứa Văn D đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay...”.

Căn cứ lời khai của bà B và nội dung của chính quyền địa phương cung cấp, nhận thấy: Bà B và ông D sống ly thân từ năm 2019, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó chứng minh, hôn nhân giữa ông D, bà B không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Căn cứ vào điều luật viện dẫn nêu trên, xét thấy việc bà Lương Thị B xin ly hôn ông Hứa Văn D là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Lương Thị B và ông Hứa Văn D có 02 con chung là: Cháu Hứa Văn Đ, sinh ngày 04/02/1999 và cháu Hứa Thị Thu F, sinh ngày 23/09/2004. Hiện nay cả hai cháu đều đã đủ 18 tuổi, sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị B không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Lương Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lương Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lương Thị B được ly hôn với ông Hứa Văn D.

- Về con chung: Cháu Hứa Văn Đ, sinh ngày 04/02/1999 và cháu Hứa Thị Thu F, sinh ngày 23/09/2004 hiện nay cả hai cháu đều đã đủ 18 tuổi, sống tự lập nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lương Thị B không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Lương Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Đắk Lắk) theo biên lai số 0003249 ngày 22/05/2025.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã K1.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Quang Vinh